

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013399); thủ tục điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013400)

1.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống còn 18 ngày.

1.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 25 ngày. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 18 ngày mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

1.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b và điểm c khoản 5 Điều 35 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ, thành:

“b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.”

1.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 28%.

2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC:

2.001322); thủ tục điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.001292)

2.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 23 ngày.

2.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 30 ngày. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 23 ngày mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ (được áp dụng đối với thủ tục điều chỉnh theo khoản 6 Điều 33), thành: “b) Trong thời hạn 23 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu công trình để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.”

2.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 23,3%.

3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.001300); thủ tục điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013398)

3.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống còn 18 ngày.

3.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 25 ngày. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 18 ngày mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

3.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b và điểm c khoản 6 Điều 34 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ, thành:

“b) Trong thời hạn 16 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định phương án. Trường hợp đủ điều kiện thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu công trình để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

c) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.”

3.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 28%.

4. Thủ tục phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện (Mã TTHC: 2.001384)

4.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc.

4.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 30 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 23 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

4.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b và điểm c khoản 4 Điều 24 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, thành:

“b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định;

c) Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt. Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới.”

4.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 23,3%.

5. Thủ tục cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 1.000981)

5.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

5.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 20 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 2 Mục IV Phần B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, thành: “*b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.*”

5.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 50%.

6. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 1.000911)

6.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

6.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 15 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 08 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm

đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

6.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi nội dung về thời hạn tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Mục VI Phần B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, thành: *“Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng điều kiện theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.”*

6.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 46,7%.

7. Thủ tục cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 1.000948)

7.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

7.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 15 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 08 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

7.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi nội dung về thời hạn tại gạch đầu dòng thứ hai điểm c khoản 1 Mục V Phần B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, thành: *“Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng điều kiện theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.”*

7.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 46,7%.

8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (Mã TTHC: 2.000229)

8.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

8.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 20 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 10 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân. Thời gian đề xuất gồm 03 ngày làm việc để thông báo kế hoạch, 05 ngày làm việc để tổ chức huấn luyện, kiểm tra và 02 ngày làm việc để cấp giấy chứng nhận.

8.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi các điểm b, c, d khoản 1 và các điểm b, c, d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; đồng thời sửa đổi nội dung tương ứng tại các điểm b, c, d khoản 3 và các điểm b, c, d khoản 4 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, theo hướng:

- Rút ngắn thời hạn thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra hoặc kế hoạch kiểm tra từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc;
- Rút ngắn thời hạn tổ chức huấn luyện, kiểm tra hoặc tổ chức kiểm tra từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc;
- Rút ngắn thời hạn cấp giấy chứng nhận kể từ ngày kết thúc kiểm tra từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

8.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 50%.

9. Thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Mã TTHC: 1.001158)

9.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 25 ngày; trường hợp hồ sơ phức tạp, cắt giảm thời hạn tối đa từ 45 ngày xuống còn 40 ngày.

9.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 30 ngày; trường hợp hồ sơ phức tạp, thời hạn tối đa là 45 ngày. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 25 ngày; trường hợp hồ sơ phức tạp, thời hạn tối đa là 40 ngày mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

9.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm đ khoản 6 Điều 11 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ), thành:

“đ) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi có thể gia hạn nhưng tổng thời gian giải quyết tối đa không quá 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Việc gia hạn phải được thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi.”

9.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 16,7% đối với thời hạn 30 ngày và 11,1% đối với thời hạn tối đa 45 ngày.

10. Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.014818)

10.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 25 ngày.

10.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 30 ngày. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 25 ngày mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

10.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025, thành: “2. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ

hợp lệ, các giải trình thông tin hồ sơ của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo kết quả điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi cho doanh nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

10.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 16,7%.

11. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013421)

11.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn xem xét, ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực từ 10 ngày xuống còn 05 ngày.

11.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 10 ngày. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 05 ngày mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

11.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ, thành: “a) Trong thời hạn 05 ngày kể từ thời điểm có cơ sở xác định giấy phép hoạt động điện lực thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động điện lực xem xét, ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

11.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 50%.

12. Thủ tục cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.014722)

12.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

12.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 10 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ

quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 07 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

12.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ, thành: “a) 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;...”

12.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 30%.

13. Thủ tục cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.014726)

13.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

13.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 10 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 07 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

13.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 23 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ, thành: “c) 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp điều chỉnh.”

13.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 30%.

14. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (Mã TTHC: 2.000370); thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (Mã TTHC: 2.000362); thủ tục cấp Giấy phép kinh

doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại các điểm d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (Mã TTHC: 2.000351); thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 2.000330)

14.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 28 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc.

14.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 28 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 20 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

14.3. Kiến nghị thực thi: Căn cứ khoản 2, 3 Điều 36 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 13 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, thành:

“4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại Điều 9 Nghị định này:

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện:

- Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm theo văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định này (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định này để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

14.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 28,6%.

15. Thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 1.000774); thủ tục điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (Mã TTHC: 2.002166)

15.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 58 ngày làm việc xuống còn 50 ngày làm việc.

15.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 58 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 50 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

15.3. Kiến nghị thực thi: Căn cứ khoản 2, 3 Điều 36 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, thành:

“3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này:

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thành lập Hội đồng ENT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng ENT.

5. Trong thời hạn 26 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

a) Trường hợp văn bản kết luận đề xuất không cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp văn bản kết luận đề xuất cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm theo văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

7. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định này để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

15.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 13,8%.

16. Thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (Mã TTHC: 2.000662)

16.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 55 ngày làm việc xuống còn 45 ngày làm việc.

16.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 55 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 45 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

16.3. Kiến nghị thực thi: Căn cứ khoản 2, 3 Điều 36 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi các điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, thành:

“c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép nơi có cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra, đánh giá hồ sơ và địa điểm đặt cơ sở bán lẻ để có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất cấp phép (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); trường hợp đề xuất không cấp phép, phải có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ ý kiến đề xuất của Cơ quan cấp Giấy phép và nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định này để có văn bản chấp thuận; trường hợp từ chối, phải có văn bản nêu rõ lý do (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

16.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 18,2%.

17. Thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (Mã TTHC: 2.000191)

17.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn thẩm định hồ sơ từ 30 ngày xuống còn 20 ngày; trường hợp phức tạp, thời gian gia hạn tối đa giảm từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

17.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 30 ngày; trường hợp phức tạp được gia hạn thêm tối đa 30 ngày. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 20 ngày; trường hợp phức tạp được gia hạn thêm tối đa 20 ngày mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

17.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 1 Điều 10 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, thành: “1. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký tiến hành thẩm định hồ sơ đăng ký trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 20 ngày trong trường hợp phức tạp. Trường hợp gia hạn, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân kinh doanh về thời gian và lý do gia hạn.”

17.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 33,3%.

18. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mã TTHC: 2.000206)

18.1. Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc.

18.2. Lý do đề nghị: Thời hạn giải quyết theo quy định hiện hành là 20 ngày làm việc. Qua rà soát quy trình xử lý và khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, có thể rút ngắn còn 13 ngày làm việc mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung kiểm tra, thẩm định và chất lượng giải quyết hồ sơ; qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

18.3. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; đồng thời rà soát, sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ để bảo đảm thống nhất, thành: “4. Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, xem xét phê duyệt phương án; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.”

18.4. Lợi ích phương án cắt giảm:

- Rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp và chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 35%./.